

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Số: 30/2015/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày 15 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh số 33/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về việc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế của thành phố Cần Thơ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2015, đăng Báo Cần Thơ chậm nhất là ngày 21 tháng 12 năm 2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Võ Thành Thống

QUY ĐỊNH

Ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND

ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế; đề xuất ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế; thẩm quyền, trình tự, thủ tục ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế, trao đổi văn kiện tạo thành thỏa thuận quốc tế, chấm dứt hiệu lực của thỏa thuận quốc tế, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị xã hội, các đoàn thể, các tổ chức xã hội nghề nghiệp cấp thành phố; Ủy ban nhân dân các quận, huyện (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị, địa phương) có nhu cầu ký kết thỏa thuận quốc tế.

2. Các đối tác nước ngoài tham gia ký kết.

3. Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thành phố Cần Thơ không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và nội dung thỏa thuận quốc tế

1. Thỏa thuận quốc tế: là cam kết bằng văn bản về hợp tác quốc tế, không phụ thuộc vào tên gọi của văn bản, nhân danh cơ quan, đơn vị trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình với một hoặc nhiều đối tác nước ngoài, gồm các hình thức: Thỏa thuận, Bản ghi nhớ, Biên bản thỏa thuận, Biên bản trao đổi, Chương trình hợp tác, Kế hoạch hợp tác hoặc tên gọi khác. Tuy nhiên, các cơ quan, đơn vị không được ký kết các nội dung đã được quy định tại Điều 2 Pháp lệnh số 33/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế (gọi tắt là Pháp lệnh số 33). Chủ thể ký kết thỏa thuận quốc tế về phía nước ngoài có thể là cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương của nước ngoài hoặc tổ chức nước ngoài (liên chính phủ, phi chính phủ).

2. Thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố: là cam kết bằng văn bản về hợp tác quốc tế do Chủ tịch UBND thành phố ký hoặc do người được Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền ký với một hoặc nhiều bên nước ngoài.

3. Công tác thỏa thuận quốc tế: là tổng hợp những công việc có liên quan đến việc đề xuất đàm phán, ký và triển khai thực hiện thỏa thuận quốc tế, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế của thành phố.

Điều 3. Nguyên tắc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế

1. Công tác ký kết, đề xuất ký kết không được trái quy định pháp luật Việt Nam, bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, hệ thống pháp luật Việt Nam, pháp luật và thông lệ quốc tế, tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 3 Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005; Điều 4 Pháp lệnh số 33 và chức năng, nhiệm vụ của UBND thành phố.

2. Phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách, quy định pháp luật và lợi ích của thành phố Cần Thơ; ưu tiên hợp tác với các nước láng giềng, các nước trong khu vực, các nước có quan hệ truyền thống và các nước có nhiều người Việt Nam sinh sống, lao động, học tập, làm việc; phục vụ chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

3. Tất cả thỏa thuận quốc tế do các cơ quan, đơn vị ký kết hoặc trình UBND thành phố ký kết đều phải thông qua Sở Ngoại vụ kiểm tra về nội dung, hình thức trước khi ký kết; nội dung, hình thức ký kết phải phù hợp quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và không trái với các cam kết mà Việt Nam đã ký kết với các nước trên thế giới.

a) Nội dung của thỏa thuận quốc tế phù hợp và nhằm mục đích thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan ký kết.

b) Cơ quan, đơn vị, địa phương ký kết có tư cách pháp lý.

c) Cơ quan, đơn vị, địa phương ký kết có năng lực thực hiện các quyền, nhiệm vụ nêu trong thỏa thuận quốc tế.

Điều 4. Thẩm quyền ký kết thỏa thuận quốc tế

1. Chỉ có Chủ tịch UBND thành phố hoặc người được Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền mới được ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND thành phố. Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người khác ký kết thỏa thuận quốc tế. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND cấp huyện, tổ chức thuộc UBND thành phố quyết định việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh các cơ quan, đơn vị mình.

2. Sở Ngoại vụ giúp UBND thành phố tham mưu Thành ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND) thành phố trong việc đề xuất ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế theo thẩm quyền của Thành ủy, HĐND thành phố trong từng trường hợp cụ thể.

Điều 5. Quản lý nhà nước về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế

Sở Ngoại vụ làm đầu mối giúp UBND thành phố phối hợp với Bộ Ngoại giao thực hiện quản lý nhà nước về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế của các cơ quan, đơn vị, địa phương cụ thể:

1. Tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trên địa bàn thành phố; thẩm tra các văn bản của các cơ quan, đơn vị, địa phương trước khi các cơ quan, đơn vị, địa phương thỏa thuận, đàm phán.

2. Đề xuất các giải pháp giúp UBND thành phố bảo đảm quản lý việc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố theo đúng quy định của pháp luật.

3. Thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.

4. Là cơ quan đầu mối tổ chức thống kê, lưu trữ các thỏa thuận quốc tế diễn ra trên địa bàn thành phố.

5. Chủ trì, phối hợp cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm quy định của pháp luật về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.

6. Tham mưu Chủ tịch UBND thành phố giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.

7. Tổng hợp báo cáo năm, báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất về công tác ký kết và thực hiện điều ước quốc tế của thành phố gửi Bộ Ngoại giao theo yêu cầu tại Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 05/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý nhà nước đối với công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

Điều 6. Hình thức chấp nhận sự ràng buộc của thỏa thuận quốc tế và ngôn ngữ của thỏa thuận quốc tế

1. Hình thức chấp nhận sự ràng buộc của thỏa thuận quốc tế được thực hiện theo Điều 7 Pháp lệnh số 33 (bao gồm các hành vi: ký kết, trao đổi văn kiện, hành vi khác theo thỏa thuận với bên ký kết nước ngoài).

2. Ngôn ngữ, hình thức văn bản tiếng Việt của thỏa thuận quốc tế được thực hiện theo Điều 8 Pháp lệnh số 33.

Điều 7. Xây dựng kế hoạch đề xuất ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế của thành phố

Hàng năm và 05 năm một lần, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, theo quy định của pháp luật và yêu cầu hợp tác quốc tế, cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch đề xuất ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế gửi UBND thành phố (thông qua Sở Ngoại vụ); Sở Ngoại vụ xem xét, tổng hợp, tham mưu, đề xuất UBND thành phố chỉ đạo thực hiện hoặc kiến nghị đến cấp thẩm quyền quyết định.

CHƯƠNG II

KÝ KẾT THỎA THUẬN QUỐC TẾ NHÂN DANH UBND THÀNH PHỐ, CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

Điều 8. Trình tự, thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân thành phố

1. Trước khi tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế, Sở Ngoại vụ chịu trách nhiệm tham mưu UBND thành phố tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Thường trực Thành ủy, Bộ Ngoại giao và Bộ, ngành có liên quan đến hoạt động hợp tác thuộc thỏa thuận quốc tế đó.

2. Sau khi có ý kiến của Thường trực Thành ủy, Bộ Ngoại giao và Bộ, ngành có liên quan được lấy ý kiến quy định tại Khoản 1 Điều 8, Chủ tịch UBND thành phố quyết định và tiến hành ký kết hoặc ủy quyền cho cá nhân đã nêu ở Khoản 1 Điều 4 của Quy định ký thỏa thuận quốc tế.

3. Trong trường hợp có ý kiến khác nhau giữa UBND thành phố và các Bộ, ngành được lấy ý kiến quy định tại Khoản 1 Điều 8 thì trình tự, thủ tục được tiến hành như sau:

a) Sở Ngoại vụ tham mưu UBND thành phố thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến về việc ký kết thỏa thuận quốc tế.

b) Sau khi nhận được ý kiến bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ về việc ký kết thỏa thuận quốc tế, Chủ tịch UBND thành phố xem đây là cơ sở để quyết định và tiến hành ký kết.

4. Sau khi ký kết thỏa thuận quốc tế, Sở Ngoại vụ tham mưu UBND thành phố báo cáo Thủ tướng Chính phủ bằng văn bản, đồng thời gửi Bộ Ngoại giao bản sao thỏa thuận quốc tế đã được ký kết để thông báo.

Điều 9. Trình tự, thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc UBND thành phố

1. Trước khi tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ và cơ quan có liên quan về hoạt động hợp tác thuộc thỏa thuận quốc tế đó.

2. Cơ quan được lấy ý kiến quy định tại Khoản 1 Điều 9 có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các cơ quan có liên quan, thông qua Sở Ngoại vụ tham mưu UBND thành phố xem xét, chấp thuận và tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế theo quy định.

4. Sau khi ký kết thỏa thuận quốc tế, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm báo cáo UBND thành phố bằng văn bản, đồng thời gửi Sở Ngoại vụ bản sao thỏa thuận quốc tế đã được ký kết để thông báo.

CHƯƠNG III

HỒ SƠ LẤY Ý KIẾN VÀ HỒ SƠ TRÌNH VỀ VIỆC

KÝ KẾT THỎA THUẬN QUỐC TẾ

Điều 10. Hồ sơ lấy ý kiến về việc ký kết thỏa thuận quốc tế

1. Văn bản đề xuất về việc ký kết thỏa thuận quốc tế, trong đó nêu rõ yêu cầu, mục đích của việc ký kết thỏa thuận quốc tế; nội dung chính của thỏa thuận quốc tế; đánh giá tác động của thỏa thuận quốc tế dự định ký kết về mặt chính trị, kinh tế, xã hội và các tác động khác; đánh giá việc tuân thủ các quy định tại Quy định này.

2. Văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài; trong trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt kèm theo. Bản dịch tiếng Việt phải đảm bảo chính xác về nội dung và thống nhất về thể thức với văn bản bằng tiếng nước ngoài của thỏa thuận quốc tế.

3. Các tài liệu có liên quan, cần thiết khác.

Điều 11. Hồ sơ trình về việc ký kết thỏa thuận quốc tế

1. Văn bản đề xuất về việc ký kết thỏa thuận quốc tế, trong đó nêu rõ yêu cầu, mục đích của việc ký kết; nội dung chính của thỏa thuận; đánh giá tác động đối với dự định ký kết về mặt chính trị, kinh tế, xã hội và các tác động khác; đánh giá việc tuân thủ các điều khoản của Quy định này; vấn đề có ý kiến khác nhau giữa cơ quan hữu quan (nếu có).

2. Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan.

3. Văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài và bản dịch thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt (trong trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài).

4. Các tài liệu có liên quan, cần thiết khác.

CHƯƠNG IV THỰC HIỆN THỎA THUẬN QUỐC TẾ

Điều 12. Hiệu lực của thỏa thuận quốc tế

Hiệu lực của thỏa thuận quốc tế là hiệu lực được quy định tại văn bản thỏa thuận quốc tế đó hoặc nếu văn bản thỏa thuận quốc tế không quy định thì hiệu lực của thỏa thuận quốc tế là hiệu lực theo sự thống nhất bằng văn bản giữa bên thành phố Cần Thơ và bên ký kết nước ngoài.

Điều 13. Lưu trữ thỏa thuận quốc tế

Sở Ngoại vụ có trách nhiệm lưu trữ bản gốc các thỏa thuận quốc tế của UBND thành phố; các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 14. Sao lục thỏa thuận quốc tế

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố có trách nhiệm sao lục thỏa thuận quốc tế có hiệu lực gửi các đơn vị có liên quan để phối hợp thực hiện thỏa thuận quốc tế đó, phải gửi kèm theo bản sao lục bản dịch thỏa thuận quốc tế đó bằng tiếng Việt (nếu thỏa thuận quốc tế không có tiếng Việt).

Điều 15. Công bố thỏa thuận quốc tế

Sở Ngoại vụ công bố công khai trên trang tin điện tử Sở Ngoại vụ, Cổng Thông tin điện tử thành phố nội dung các thỏa thuận quốc tế đã được ký kết nhân danh UBND thành phố, các cơ quan, đơn vị, địa phương; trừ trường hợp thỏa thuận quốc tế không được phép công bố theo thỏa thuận giữa bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài, hoặc trường hợp có thỏa thuận khác giữa bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài về việc không công bố, hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 16. Tổ chức triển khai thực hiện thỏa thuận quốc tế

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các thỏa thuận quốc tế mà mình đã ký kết, đồng thời đề nghị bên ký kết nước ngoài thực hiện nghiêm túc thỏa thuận quốc tế đó.

2. Việc thực hiện thỏa thuận quốc tế không được vi phạm các nguyên tắc quy định tại Điều 4, Điều 25 của Pháp lệnh 33.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn thỏa thuận quốc tế

1. Chủ tịch UBND thành phố hoặc cá nhân được ủy quyền ký kết thỏa thuận quốc tế của Quy định này có thẩm quyền quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn thỏa thuận quốc tế đó. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn thỏa thuận quốc tế được tiến hành tương tự trình tự, thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nêu tại Quy định này.

2. Sau khi sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn thỏa thuận quốc tế, các cơ quan, đơn vị phải thực hiện việc thông báo cho UBND thành phố (thông qua Sở Ngoại vụ) về những sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn thỏa thuận quốc tế đó; Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tham mưu cho Thành ủy, HĐND, UBND thành phố thông báo cho Bộ Ngoại giao và cơ quan có thẩm quyền về việc sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn thỏa thuận quốc tế đó.

Điều 18. Chấm dứt hiệu lực hoặc tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế

1. Việc chấm dứt hiệu lực hoặc tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế thực hiện theo quy định tại Điều 27 Pháp lệnh số 33.

2. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tham mưu UBND thành phố cho phép đối với đề nghị xin chấm dứt hiệu lực hoặc tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Sau khi có quyết định chấm dứt hiệu lực hoặc tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế của cấp thẩm quyền, cơ quan, đơn vị, địa phương xin chấm dứt hoặc tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế có trách nhiệm thông báo cho bên ký kết nước ngoài về việc chấm dứt hiệu lực hoặc tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định tại Khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh số 33, Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tham mưu UBND thành phố thông báo cho Bộ Ngoại giao về việc chấm dứt hiệu lực hoặc tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế đó.

CHƯƠNG V

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

CẤP THÀNH PHỐ VÀ CÁC ĐỐI TÁC NƯỚC NGOÀI THAM GIA KÝ KẾT TRONG HOẠT ĐỘNG KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN THỎA THUẬN QUỐC TẾ

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quản lý hoạt động ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế

1. Trong việc thực hiện quản lý nhà nước về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế, Sở Ngoại vụ có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chịu trách nhiệm trước UBND thành phố thực hiện quản lý nhà nước về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố.

b) Là cơ quan đầu mối trong việc tiếp nhận hồ sơ và tham mưu UBND thành phố ký kết, ủy quyền hoặc cho phép ký kết, thực hiện, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, tạm đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt hiệu lực của các thỏa thuận quốc tế.

c) Có trách nhiệm giúp UBND thành phố sao lục, công bố thỏa thuận quốc tế theo quy định; tham mưu UBND thành phố trong việc chuẩn bị văn bản lấy ý kiến Bộ Ngoại giao, báo cáo Thủ tướng Chính phủ sau khi ký, gửi Bộ Ngoại giao bản sao thỏa thuận quốc tế đã ký để thông báo.

d) Chủ động nghiên cứu, đề xuất UBND thành phố ký kết và chỉ đạo thực hiện thỏa thuận quốc tế với các đối tác nước ngoài.

đ) Thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế; tổ chức triển khai, bảo đảm thực hiện thỏa thuận quốc tế; giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý hoặc tham mưu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế; phối hợp giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.

e) Tham mưu, xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm về hoạt động ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế của địa phương trình UBND thành phố và Bộ Ngoại giao.

f) Tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng, 01 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu về tình hình ký kết, triển khai thực hiện các thỏa thuận quốc tế gửi Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Ngoại giao theo quy định.

2. Trong hoạt động ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế, Sở Ngoại vụ có trách nhiệm giúp Thành ủy, HĐND thành phố, UBND thành phố thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Hướng dẫn hoạt động ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Hướng dẫn bộ thủ tục ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế để các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thực hiện.

b) Báo cáo, tham mưu kịp thời cho Thành ủy, HĐND thành phố, UBND thành phố giải quyết các vấn đề vướng mắc trong về hoạt động ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trên địa bàn.

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương đối với hoạt động ký kết Thỏa thuận quốc tế

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trên lĩnh vực được giao chủ động tìm kiếm đối tác thực hiện việc ký kết các thỏa thuận quốc tế trên cơ sở được chấp thuận chủ trương của UBND thành phố, lập kế hoạch về việc ký kết, triển khai thực hiện thỏa thuận quốc tế trình Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Ngoại vụ tổng hợp) xem xét, phê duyệt. Lựa chọn đối tác ký kết thỏa thuận quốc tế và chịu trách nhiệm về năng lực của đối tác ký kết; đồng thời thực hiện nghiêm túc các quy định về việc ký kết thỏa thuận quốc tế theo Pháp lệnh số 33 và quy định này.

2. Phối hợp với Sở Ngoại vụ trong việc xây dựng báo cáo (định kỳ hàng năm, đột xuất), kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm về hoạt động ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế, để Sở Ngoại vụ tổng hợp tham mưu UBND thành phố gửi Bộ Ngoại giao, cơ quan có thẩm quyền và báo cáo Thủ tướng Chính phủ; báo cáo và kế hoạch hàng năm được gửi chậm nhất vào ngày 15 tháng 11 của năm trước; đối với báo cáo cần nêu rõ những khó khăn, thuận lợi và kiến nghị những biện pháp cụ thể nhằm thực hiện nghiêm chỉnh các thỏa thuận quốc tế đã được ký kết và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế.

3. Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Công an thành phố và các cơ quan có liên quan tiến hành những biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích của cơ quan, đơn vị, địa phương mình đã tham gia ký kết thỏa thuận quốc tế trong trường hợp thỏa thuận quốc tế được ký kết nhân danh cơ quan, đơn vị, địa phương đó bị vi phạm.

4. Tuân thủ các quy định về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế, phổ biến, tuyên truyền cho các đối tác nước ngoài, các đơn vị trực thuộc nghiêm túc thực hiện Quy định này.

5. Tổ chức triển khai thực hiện nội dung thỏa thuận quốc tế đã ký kết; đôn đốc, yêu cầu bên ký kết nước ngoài thực hiện nghiêm chỉnh thỏa thuận quốc tế đã ký. Gửi bản sao thỏa thuận quốc tế đã được ký kết về Sở Ngoại vụ để lập hồ sơ lưu trữ theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm của đối tác nước ngoài tham gia ký kết

Đối tác nước ngoài tham gia ký kết thỏa thuận quốc tế thực hiện nghiêm túc các nội dung trong Quy định này và các quy định khác của Pháp luật Việt Nam có liên quan.

Điều 22. Giám sát hoạt động ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế

Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan giúp UBND thành phố thực hiện công tác giám sát việc thực hiện Pháp lệnh và Quy định này về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trên địa bàn thành phố.

CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Kinh phí ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế

1. Kinh phí ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế do các đơn vị chủ trì ký kết đảm bảo thực hiện từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

2. Sở Tài chính chủ trì thẩm định dự trù kinh phí thực hiện thỏa thuận quốc tế thuộc thẩm quyền của UBND thành phố và của các cơ quan, đơn vị, địa phương trình UBND thành phố xem xét, quyết định.

3. Sở Ngoại vụ chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương liên quan cần phản ánh kịp thời (thông qua Sở Ngoại vụ) để tổng hợp trình UBND thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 24. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Quy định này được xem xét, đề nghị khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có hành vi vi phạm các quy định tại Quy định này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Võ Thành Thống